

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SDH 9/2014

KẾT QUẢ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ THÁNG 9 NĂM 2014

T T	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi công tác	Chuyên ngành dự thi	Trình độ ngoại ngữ	Điểm đánh giá bài luận	Xếp loại	Ghi chú
1	Ngô Văn Giang	Nam	09/12/1986	Bắc Giang	Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp - ĐHTN	Toán Giải tích	TOEFL 497	88,5	Khá	ThS
2	Nguyễn Song Hà	Nam	28/08/1985	Thái Nguyên	Trường Đại học Khoa học - ĐHTN	Toán Giải tích	Tiếng Anh B2	96,0	Xuất sắc	ThS
3	Mai Thị Ngọc An	Nữ	02/07/1973	Thái Nguyên	Trường Đại học Nông Lâm - ĐHTN	LL&PPDH bộ môn Toán học	Bằng CN tiếng Anh	83,8	Khá	ThS
4	Phan Thanh Hải	Nam	26/06/1976	Quảng Nam	Trường THPT Trường Chinh – Đắc Nông	LL&PPDH bộ môn Toán học	Tiếng Anh B1	81,8	Khá	ThS
5	Nguyễn Thị Quốc Hòa	Nữ	28/10/1973	Thái Nguyên	Trường THPT Chu Văn An – TP Thái Nguyên	LL&PPDH bộ môn Toán học	Bằng CN tiếng Anh	81,8	Khá	ThS
6	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	16/08/1983	Phú Thọ	Trường Đại học Hùng Vương – Phú Thọ	LL&PPDH bộ môn Vật lý	Tiếng Anh B1	84,8	Khá	ThS
7	Lê Thị Hồng Trang	Nữ	20/08/1990	Thái Nguyên	Viện NC XH&NV miền núi - ĐHTN	Di truyền học	Tiếng Anh B1	88,2	Khá	ThS
8	Tường Tuyết Mai	Nữ	23/04/1984	Thái Nguyên	Sở Khoa học và CN tỉnh Thái Nguyên	Sinh thái học	Bằng CN tiếng Anh	86,2	Khá	ThS
9	Nguyễn Hoàng Linh	Nữ	02/12/1989	Thái Nguyên	Trường THPT Thái Nguyên	Ngôn ngữ Việt Nam	Tiếng Anh B1	83,0	Khá	ThS
10	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	26/01/1979	Thái Nguyên	Tự do	Lịch sử Việt Nam	Tiếng Anh B1	83,0	Khá	ThS
11	Đỗ Thị Hương Liên	Nữ	21/08/1986	Lạng Sơn	Tự do	Lịch sử Việt Nam	Tiếng Anh B1	75,6	Khá	ThS
12	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	06/07/1968	Tiền Giang	Trường ĐH Đồng Tháp	Lý luận và lịch sử giáo dục	Bằng CN Tiếng Pháp	75,6	Khá	ThS
13	Hoàng Văn Chi	Nam	22/12/1977	Bắc Giang	Tự do	Lý luận và lịch sử giáo dục	Tiếng Anh B1	76,3	Khá	ThS

T T	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi công tác	Chuyên ngành dự thi	Trình độ ngoại ngữ	Điểm đánh giá bài luận	Xếp loại	Ghi chú
14	Phạm Hữu Lộc	Nam	25/02/1966	TP Hồ Chí Minh	Trường Đại học công nghiệp TP. HCM	Lý luận và lịch sử giáo dục	Tiếng Anh B1	85,8	Khá	ThS
15	Hoàng Trung Thắng	Nam	06/07/1978	Hải Dương	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Lý luận và lịch sử giáo dục	TOEFL 540	81,2	Khá	ThS
16	Vũ Thị Thủy	Nữ	12/07/1986	Thái Nguyên	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Lý luận và lịch sử giáo dục	Tiếng Anh B1	82,8	Khá	ThS
17	Nguyễn Nhân Chinh	Nam	29/05/1984	Bắc Ninh	Tỉnh Đoàn Bắc Ninh	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh B1	61,3	Trung bình	ThS
18	Hoàng Minh Cường	Nam	02/10/1965	Quảng Bình	Trường Cao đẳng Nghề Đắk Lắk	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh B1	86,9	Khá	ThS
19	Nguyễn Văn Hùng	Nam	10/05/1974	Bắc Ninh	Ủy ban MTTQ tỉnh Bắc Ninh	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh B1	77,0	Khá	ThS
20	Huỳnh Thị Ngọc Mai	Nữ	29/06/1964	TP Hồ Chí Minh	Phòng GD&ĐT huyện Hóc Môn – TP HCM	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh B1	72,7	Trung bình	ThS
21	Hoàng Văn Thúc	Nam	02/06/1961	Hà Tĩnh	TT DNHN và GDTX Cẩm Xuyên – Hà Tĩnh	Quản lý giáo dục	Tiếng Anh B1	77,2	Khá	ThS
22	Phạm Thị Thu Huyền	Nữ	26/04/1980	Lào Cai	Trường Đại học Nông Lâm - ĐHTN	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh B1	79,3	Khá	ThS
23	Phạm Thị Hồng Hạnh	Nữ	11/09/1984	Thái Nguyên	Cục PT thị trường & DNKH&CN- Bộ KHCN	Khoa học cây trồng	Tiếng Trung HSK	84,6	Khá	ThS Trung Quốc
24	Phan Chí Nghĩa	Nam	12/04/1987	Vĩnh Phú	Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh B1	79,4	Khá	ThS
25	Vũ Anh Thu	Nữ	17/06/1983	Thái Nguyên	Viện Di truyền nông nghiệp	Khoa học cây trồng	Tiếng Anh B1	84,8	Khá	Đại học
26	Nguyễn Thị Linh	Nữ	10/03/1989	Nghệ An	TT NC Lâm nghiệp miền núi phía Bắc	Lâm sinh	Tiếng Anh B1	84,0	Khá	ThS
27	Trần Thị Hương Giang	Nữ	12/12/1981	Yên Bái	Trường Đại học Nông Lâm - ĐHTN	Lâm sinh	Tiếng Anh B1	82,5	Khá	ThS
28	Phạm Thu Hà	Nữ	26/10/1982	Thái Nguyên	Trường Đại học Nông Lâm - ĐHTN	Lâm sinh	Bằng CN tiếng Anh	79,0	Khá	ThS

T T	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Nơi công tác	Chuyên ngành dự thi	Trình độ ngoại ngữ	Điểm đánh giá bài luận	Xếp loại	Ghi chú
29	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	26/12/1984	Thái Nguyên	Trường Đại học Nông Lâm - ĐHTN	Ký sinh trùng và Vi sinh vật học TY	TOEIC 630	90,7	Xuất sắc	Đại học
30	Lưu Phương Thảo	Nữ	26/10/1978	Thái Nguyên	Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN	Đại số và Lý thuyết số	Bằng CN tiếng Anh	75,0	Khá	ThS
31	Phạm Thế Anh	Nam	05/05/1985	Thái Nguyên	Trường Cao đẳng công nghiệp Phúc Yên	Kỹ thuật cơ khí	Tiếng Anh B1	89,9	Khá	ThS
32	Trần Việt Cường	Nam	26/03/1982	Thái Nguyên	Trường Cao đẳng Cơ khí luyện kim	Kỹ thuật cơ khí	Bằng CN tiếng Anh	83,3	Khá	ThS
33	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	29/10/1980	Thái Nguyên	Trường Đại học KT công nghiệp - ĐHTN	Kỹ thuật cơ khí	TOEFL ITP 467	93,0	Xuất sắc	ThS
34	Nguyễn Kiều Giang	Nữ	17/12/1976	Thái Nguyên	Trường Đại học Y Dược – ĐHTN	Vệ sinh XH học và Tổ chức y tế	Bằng CN tiếng Anh	89,6	Khá	ThS
35	Nguyễn Mạnh Quỳnh	Nam	12/10/1973	Thái Nguyên	Bệnh viện Mắt Thái Nguyên	Vệ sinh XH học và Tổ chức y tế	Tiếng Anh B1	88,1	Khá	ThS
36	Lê Quốc Tuấn	Nam	07/07/1974	Vĩnh Phú	Phòng khám Đa khoa 103 Cẩm Khê - Phú Thọ	Nội khoa	Bằng CN tiếng Anh	82,8	Khá	ThS
37	Nguyễn Thị Thoan	Nữ	17/03/1983	Bắc Ninh	Tự do	Khoa học môi trường	Tiếng Anh B1	90,7	Xuất sắc	ThS

Danh sách có 37 người.

Ghi chú:

Nếu phát hiện sai sót về thông tin cá nhân (họ tên, giới tính, ngày/ nơi sinh) hoặc chuyên ngành dự tuyển..., đề nghị thông báo cho Ban Đào tạo (bộ phận Đào tạo sau đại học) qua E-mail: bansdh.dhtn@moet.edu.vn. Số điện thoại liên hệ: 0280 3656843 / 0280 3851588.